

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(V/v tổ chức lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu “**Cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống khí y tế**” của Công trình Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ)

Kính gửi: Quý Công ty.

Công ty TNHH MTV Bệnh Viện Đa Khoa Nam Cần Thơ tổ chức lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu “**Cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống khí y tế**” của Công trình “**Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ**” tại Lô 6, Khu dân cư Nam Cần Thơ, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có.

Công ty TNHH MTV Bệnh Viện Đa Khoa Nam Cần Thơ trân trọng kính mời các Nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên, cụ thể:

I. Thông tin về báo giá về yêu cầu của hồ sơ chào giá cụ thể như sau:

- Tên gói thầu: **Cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống khí y tế.**
- Công trình: **Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ.**
- Địa điểm xây dựng: Lô 6, Khu dân cư Nam Cần Thơ, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
- Tiến độ thực hiện: **150** ngày (kể cả ngày Lễ và chủ nhật).
- Thời gian thực hiện: Từ ngày bàn giao mặt bằng khi hợp đồng đã ký kết.
- Giá chào thầu: Là toàn bộ chi phí thực hiện gói thầu.
- Hình thức hợp đồng:
 - Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định.
 - Tạm ứng hợp đồng: Có tạm ứng.
 - Thu hồi tạm ứng: Có thu hồi tạm ứng.
 - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Có thực hiện.
 - Hình thức thanh toán: Theo giai đoạn (Thương thảo hợp đồng).
- Yêu cầu của hồ sơ chào giá: 01 bản gốc, 01 bản sao (đóng dấu treo).
- Hình thức chào giá: 02 túi hồ sơ (có niêm phong).
 - Hồ sơ Nhà thầu lập thành 02 (hai) túi hồ sơ được niêm phong bao gồm: 01 túi hồ sơ đề xuất phương án kỹ thuật, 01 túi hồ sơ đề xuất phương án tài chính.

- Đơn chào giá: Theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 45 ngày.
- Bảng chào giá chi tiết: theo bảng khối lượng mời thầu.

II. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá cạnh tranh của bên mời thầu:

1. Địa chỉ tiếp nhận thông tin:

Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 0292 3798 668 hoặc hotline: 0919.725.448.
- Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ ngày: 14 / 5 /2020 đến 29 / 5 /2020.
- Thời gian nộp hồ sơ chào giá của Nhà thầu là: Trước ngày 04 / 6 /2020.

2. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

- Nhà thầu khi đến nhận Hồ sơ chào giá phải có giấy giới thiệu.
- Nếu có vấn đề gì chưa rõ về hồ sơ chào giá xin vui lòng liên hệ Ban xây dựng cơ bản:

Ông: Trần Đại Ngãi

Số điện thoại: 0919.725.448

Cô: Trần Thị Tuyết Anh

Số điện thoại: 0904.705.979

- Hồ sơ được đóng dấu niêm phong nhằm đảm bảo tính bảo mật của hồ sơ chào giá.

Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa Khoa Nam Cần Thơ rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng.

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. THÔNG TIN DỰ ÁN:

- Công trình: Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ.
- Cấp công trình: Công trình dân dụng cấp II.
- Địa điểm xây dựng: Lô 6, Khu dân cư Nam Cần Thơ, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ
- Quy mô công trình:
 - ♦ Diện tích khu đất: 10.552 m²
 - ♦ Diện tích xây dựng: 3.965 m²
 - ♦ Diện tích tầng hầm: 2.820 m²
 - ♦ Tổng diện tích sàn: 24.388 m²
 - ♦ Tầng cao: 10 tầng nổi + 01 tầng mái

2. THÔNG TIN GÓI THẦU:

2.1 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống khí y tế.

2.2 Phạm vi gói thầu:

- Khảo sát hiện trạng công trình.
- Cung cấp vật tư, thiết bị, nhân công để thi công hoàn chỉnh hệ thống khí y tế.
- Chịu trách nhiệm phối hợp với các Nhà thầu khác trong quá trình thi công và nghiệm thu hạng mục công trình đưa vào sử dụng.
- Đề xuất giải pháp kỹ thuật khi nhận thấy hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu kỹ thuật (nếu có).

2.3 Khối lượng mời chào giá cạnh tranh:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền (VNĐ)	Nhãn hiệu/ Xuất xứ
				Vật tư	Nhân công		
A							
I	HỆ THỐNG BỒN CHỨA OXY LỎNG	HT	1,00				Cryolor - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 9001, CE						
1	BỒN CHỨA OXY LỎNG	Bồn	1,00				
	Tiêu chuẩn chế tạo bồn oxy lỏng: EN 13458, PED 97/23/CE.						
	Bồn được thiết kế đặt ngoài trời và chân đế được thiết kế chịu được sức gió, động đất theo Eurocode 1, Eurocode 8 và UBC zone 3.						
	Tính năng và thông số kỹ thuật:						
	Bình chứa dạng đứng						

	Dung tích tổng ≥ 5400 lít						
	Dung tích thực ≥ 5200 lít						
	Tỷ lệ hóa hơi tự nhiên mỗi ngày $\leq 0,32\%$						
	Lưu lượng cung cấp liên tục trong 8 giờ tại áp suất 8 bar ≥ 500 Nm ³ /h						
	Áp suất làm việc tối đa cho phép ≥ 17 bar						
2	DÀN HÓA HƠI	Bộ	1,00				
	- Lưu lượng phân phối: 140 Nm ³ /h						
	- Áp suất làm việc tối đa: 40 bar						
	- Khả năng chịu sức cản của gió: 130 km/h						
3	BỘ PHẬN GIẢM ÁP (ĐIỀU ÁP)	Bộ	2,00				
	Thay đổi áp suất trong ngưỡng : 1,4 ~17 bar tùy theo lưu lượng						
	Lưu lượng làm việc: 250 m ³ /h						
	Tổ hợp đi kèm gồm :						
	+ Van một chiều và kiểm tra (check valve)						
	+ Van an toàn (safety valve)						
	+ Van điều áp đầu ra (Regulator)						
	+ Đồng hồ đo áp suất (pressure gauge)						
II	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ÔXY DÀN CHAI 20 BÌNH (2x10) BÌNH	HT	1,00				Air Liquide Medical Systems - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 7396-1, ISO 10524-2, CE						
	Thành phần gồm có:						
1	Trung tâm O₂ gồm 2 dàn, mỗi dàn 10 chai	bộ	1,00				
	Trung tâm oxy cấu trúc 02 dàn, tự động luân phiên chuyển đổi giữa hai dàn chai khi một trong hai dàn hết khí, không sử dụng điện						
	Cho phép kết nối với 02 dàn chai trái/phải, mỗi bên 10 chai						
	Số lượng chai tối đa có thể kết nối: n chai						
	Lưu lượng cung cấp: 80 m ³ /h tại áp suất 5 bar						
	Áp suất đầu vào tối đa: 200 bar						

	Tích hợp 01 bộ van đa chức năng bao gồm : 01 van khóa cô lập với mạng ống, 01 áp kế chỉ thị áp suất đầu ra, 01 van xả an toàn, 02 đầu nối với cảm biến áp suất, 01 đầu nối nhanh cấp khí khẩn cấp trong trường hợp sự cố và dùng để kiểm tra khí						
2	Hệ thống đi kèm các bộ phận để kết nối và lắp đặt bao gồm :	bộ	1,00				
	Hộp van kết nối cho phép kết nối chai với dàn chai trái/phải, với áp suất đầu vào tối đa 200 bar. Tích hợp van 01 chiều phục vụ cho việc thay chai an toàn và phát hiện rò rỉ khí						
	Bộ dây nối cao áp làm từ thép không rỉ có độ đàn hồi và uốn cao, áp suất tối đa 200bar, 02 đầu nối chai khí với dàn chai làm bằng đồng thau có các vòng gioăng cao su làm kín, tuổi thọ cao						
	Bộ giá đỡ cố định cho các chai làm từ thép không rỉ, mỗi bộ bao gồm giá đỡ lắp trên tường và dây xích cố định chai. (mua tại VN)						
3	Chai 02 40 lít -150 Bar (Mua tại thị trường Việt Nam)	Chai	20,00				
III	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI CO2 DÀN CHAI 8 BÌNH (2x4 BÌNH)	HT	1,00				Air Liquide Medical Systems - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 7396-1, ISO 10524-2, CE						
	Thành phần gồm có:						
1	Trung tâm CO2 gồm 2 dàn, mỗi dàn 4 chai						
	Trung tâm CO2 cấu trúc 02 dàn, tự động luân phiên chuyển đổi giữa hai dàn chai khi một trong hai dàn hết khí, không sử dụng điện						
	Cho phép kết nối với 02 dàn chai trái/phải, mỗi bên 4 chai						
	Số lượng chai tối đa có thể kết nối: n chai						
	Lưu lượng cung cấp: 40 m3/h tại áp suất 5 bar						
	Áp suất đầu vào tối đa: 200 bar						

	Tích hợp 01 bộ van đa chức năng bao gồm : 01 van khóa cô lập với mạng ống, 01 áp kế chỉ thị áp suất đầu ra, 01 van xả an toàn, 02 đầu nối với cảm biến áp suất, 01 đầu nối nhanh cấp khí khẩn cấp trong trường hợp sự cố và dùng để kiểm tra khí						
2	Hệ thống đi kèm các bộ phận để kết nối và lắp đặt bao gồm :						
	Hộp van kết nối cho phép kết nối chai với dàn chai trái/phải, với áp suất đầu vào tối đa 200 bar. Tích hợp van 01 chiều phục vụ cho việc thay chai an toàn và phát hiện rò rỉ khí						
	Bộ dây nối cao áp làm từ thép không rỉ có độ đàn hồi và uốn cao, áp suất tối đa 200bar, 02 đầu nối chai khí với dàn chai làm bằng đồng thau có các vòng gioăng cao su làm kín, tuổi thọ cao						
	Bộ giá đỡ cố định cho các chai làm từ thép không rỉ, mỗi bộ bao gồm giá đỡ lắp trên tường và dây xích cố định chai. (mua tại VN)						
3	Chai CO2 40 lít - 150 Bar (Mua tại thị trường Việt Nam)	chai	8,00				
IV	HỆ THỐNG MÁY NÉN KHÍ Y TẾ TRUNG TÂM	HT	1,00				MIL's - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, ISO 7396-1, CE						
	Thành phần gồm có:						
1	Máy nén khí	máy	6,00				
	Trung tâm gồm 06 nén khí kiểu xoắn ốc không dầu (oil-free scroll compressor).						
	Lưu lượng cung cấp ≥ 180 m ³ /giờ ở áp lực 8 bar (lưu lượng với tối thiểu 1 máy dự phòng)						
	Công suất điện hoạt động của mỗi máy $\geq 5,5$ kW						
	Độ ồn ở khoảng cách 1 m ≤ 67 dB						
	Điện áp: 380V/50Hz/3 pha						
2	Bộ điều khiển PLC, màn hình đồ họa cảm ứng	bộ	1,00				
	Điều khiển các máy nén khí tự động chạy luân phiên tại nhu cầu bình thường và tự động chạy song song tại nhu cầu cao						

	Có chức năng kết nối với mạng thông qua cổng RS485, Ethernet để phục vụ cho việc quản lý trên PC, Laptop và theo dõi từ xa						
	Có cảm biến đo nhiệt độ đọng sương (dewpoint), đo nồng độ khí CO với độ chính xác cao (tùy chọn)						
	Các thông tin được hiển thị trên màn hình bộ điều khiển dưới dạng thông số và biểu đồ hình ảnh sinh động, bao gồm :						
	+ Các thông số vận hành của hệ thống bao gồm các báo động/thông báo về bảo trì, thời gian chạy máy, trạng thái hệ thống, mức áp lực đầu ra của hệ thống, nhiệt độ, điểm ngưng sương, tình trạng hoạt động của mỗi máy ..						
	+ Các chỉ thị báo động bằng âm thanh/đèn báo						
	+ Hiển thị các hoạt động của hệ thống, các lịch sử báo động trong thời gian vận hành						
	+ Hiển thị lịch sử bảo trì và các báo động về bảo trì, sửa chữa trong quá khứ tới hiện tại						
3	Bình tích áp	bình	2,00				
	Thể tích chứa ≥ 1500 lít						
	Áp suất làm việc tối đa ≥ 12 bar						
4	Bộ xử lý khí nén cấu trúc đôi, gồm 2 chức năng sấy và lọc khí	bộ	2,00				
	Hệ thống lọc-xử lý khí nén sử dụng công nghệ hấp phụ (adsorption) với chu trình "làm khô-tái sinh", đảm bảo khí nén đầu ra đạt tiêu chuẩn ISO 8573-1 class 1-1-1						
	Áp suất làm việc tối đa : 16 bar						
	Hệ thống lọc được thiết kế gồm 03 giai đoạn lọc và xử lý chính sau : - Giai đoạn 1 : tiền lọc, gồm : + Lọc tách nước, tách dầu + Lọc thô : các hạt có kích thước ≥ 1 micron + Lọc tinh : các hạt có kích thước $\geq 0,01$ micron						
	- Giai đoạn 2 : sấy khô khí bằng phương pháp hấp phụ (adsorption), đảm bảo khí nén đầu ra khô hoàn toàn và đạt điểm ngưng sương : - 70oC - Giai đoạn 3 : Lọc xử lý cuối, gồm : + Lọc than hoạt tính						

	+ Lọc vi sinh, vi khuẩn, khử mùi						
5	Bộ giảm áp + van 2 nhánh	bộ	1,00				
V	HỆ THỐNG KHÍ HÚT Y TẾ TRUNG TÂM	HT	1,00				MIL's - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 7396-1, ISO 9001, ISO 13485, CE						
	Thành phần gồm có:						
1	Máy hút chân không	máy	3,00				
	Hệ thống gồm 03 máy hút kiểu cách gạt, bôi trơn bằng dầu						
	Lưu lượng cung cấp ≥ 136 m ³ /giờ (lưu lượng với tối thiểu 1 máy dự phòng)						
	Công suất điện hoạt động của mỗi máy $\geq 1,5$ kW						
	Điện áp làm việc : 380-400 V, 3 pha, 50Hz						
2	Bộ điều khiển PLC, màn hình đồ họa cảm ứng	bộ	1,00				
	Điều khiển các máy hút tự động chạy luân phiên tại nhu cầu bình thường và tự động chạy song song tại nhu cầu cao						
	Có chức năng kết nối với mạng thông qua cổng RS485, Ethernet để phục vụ cho việc quản lý trên PC, Laptop và theo dõi từ xa						
	Các thông tin được hiển thị trên màn hình bộ điều khiển dưới dạng thông số và biểu đồ hình ảnh sinh động, bao gồm :						
	+ Các thông số vận hành của hệ thống bao gồm các báo động/thông báo về bảo trì, thời gian chạy máy, trạng thái hệ thống, mức áp lực đầu ra của hệ thống, nhiệt độ,						
	+ Các chỉ thị báo động bằng âm thanh/đèn báo						
	+ Hiển thị các hoạt động của hệ thống, các lịch sử báo động trong thời gian vận hành						
	+ Hiển thị lịch sử bảo trì và các báo động về bảo trì, sửa chữa trong quá khứ tới hiện tại						
3	Bình tích chân không	bình	1,00				
	Thể tích chứa: 2000 lít						
4	Bẫy dịch, lọc khuẩn kép	bộ	1,00				

	Bộ lọc khuẩn cấu trúc đôi, gồm 02 bộ lọc khuẩn lắp song song						
	Mỗi bộ lọc phải có bể dịch đi kèm cùng với van ngắt cách ly						
	Đồng bộ với hệ thống về lưu lượng và lắp đặt, kết nối						
	Khả năng lọc khuẩn $\geq 99,99\%$						
VI	HỆ THỐNG HÚT KHÍ MÊ CHUYÊN DỤNG AGS	HT	1,00				MIL's - Pháp Anaestivac 2
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 7396-2, ISO 9001, ISO 13485, CE						
	Gồm có:						
	Bơm hút thải khí gây mê loại không dầu (Oil-free), với lưu lượng đầu ra mỗi bơm ≥ 1170 lít/phút, công suất $\geq 0,38$ kW/bơm	máy	2,00				
	Bình tách dịch động kèm van khóa cho mỗi bơm	bình	1,00				
	Bộ điều khiển PLC	bộ	1,00				
VII	BỘ BÁO ĐỘNG TRUNG TÂM & KHU VỰC	ht	1,00				Air Liquide Medical Systems - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, ISO 7396-1						
	Báo động bằng đèn LED, âm thanh và hiển thị thông số trên màn hình LCD						
	Báo động khi áp suất cao hoặc thấp hơn ngưỡng cài đặt, hoặc khi trung tâm máy, nguồn cung cấp gặp sự cố						
	Có nút test báo động để kiểm tra chức năng của báo động âm thanh, đèn báo, màn hình LCD và trạng thái chung của bộ báo động						
	Có đèn báo nguồn điện cung cấp đang ở trạng thái bình thường hay gặp sự cố						
	Có thể lập trình cài đặt các thông số của bộ báo động thông qua bộ điều khiển rời hoặc sử dụng phần mềm để kết nối với PC / laptop						
	Có thể kết nối để phản hồi tín hiệu báo động đến các bộ báo động từ xa khác						
	Có đầu ra để kết nối với hệ thống BMS						
	Cảm biến áp suất cho mỗi loại khí tương ứng						
	Nguồn điện cấp: 220VAC/ 50Hz/ 1pha						

	Thành phần gồm có:						
1	Báo động nguồn khí (Báo động trung tâm)	bộ	1,00				
	Kiểm soát và báo động các bất thường của các loại khí hoặc trung tâm máy ở các trạng thái làm việc: cao, bình thường, thấp. Báo động bằng âm thanh, đèn LED và hiển thị thông số trên màn hình LCD						
2	Báo động khu vực 3 loại khí	bộ	10,00				
	Cho phép báo động riêng biệt cho 3 loại khí. Báo động bằng âm thanh, đèn LED và hiển thị thông số trên màn hình LCD						
VIII	HỆ THỐNG VAN VÙNG (CÁCH LY)						Air Liquide Medical Systems - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, CE						
	Tủ van được lắp nổi hoặc âm tường tùy theo nhu cầu và vị trí lắp đặt						
	Dùng để ngắt riêng lẻ hoặc đồng thời các đường ống cấp khí trong trường hợp khẩn cấp hoặc bảo trì						
	Van sử dụng là loại van bi (ball valve), van được thiết kế cho phép đóng kín / mở toàn phần bằng tay với tay cầm, xoay ¼ vòng (90°).						
	Áp suất làm việc tối đa tại van: 20 bar						
	Thân van làm bằng đồng thau mạ nickel, bi van được làm bằng đồng thau mạ crom cứng, tuổi thọ lên đến 15 năm.						
	Van được thiết kế với gioăng làm kín bằng PTFE (Teflon) đảm bảo không rò rỉ và không bị kẹt khi đóng/mở						
1	Hộp van chặn cho 5 loại khí (O,MA4, SA7, VAC, CO2)	bộ	9,00				
	- Van chặn khí oxy : Ø 15						
	- Van chặn khí nén 4 bar : Ø 15						
	- Van chặn khí CO2 : Ø 15						
	- Van chặn khí nén 7 bar : Ø 15						
	- Van chặn khí hút chân không VAC : Ø 22						
2	Hộp van chặn cho 3 loại khí (O,MA4,VAC)	bộ	7,00				
	- Van chặn khí oxy : Ø 22						
	- Van chặn khí nén 4 bar : Ø 15						
	- Van chặn khí hút chân không						

	VAC : Ø 28						
3	Hộp van chặn cho 3 loại khí (O,MA4,VAC)	bộ	2,00				
	- Van chặn khí oxy : Ø 15						
	- Van chặn khí nén 4 bar : Ø 22						
	- Van chặn khí hút chân không VAC : Ø 28						
4	Hộp van chặn cho 3 loại khí (O,MA4,VAC)	bộ	1,00				
	- Van chặn khí oxy : Ø 15						
	- Van chặn khí nén 4 bar : Ø 15						
	- Van chặn khí hút chân không VAC : Ø 22						
5	Van ngắt tay						
5.1	Van ngắt tay đường kính 15mm	cái	18,00				
5.2	Van ngắt tay đường kính 22mm	cái	9,00				
5.3	Van ngắt tay đường kính 28mm	cái	8,00				
5.4	Van ngắt tay đường kính 35mm	cái	5,00				
5.5	Van ngắt tay đường kính 42mm	cái	1,00				
5.6	Van ngắt tay đường kính 54mm	cái	1,00				
IX	THIẾT BỊ CẤP KHÍ ĐẦU RA						Air Liquide Medical Systems - Pháp
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, CE						
	Các ngõ ra được lắp đặt âm tường hoặc trên hộp kỹ thuật đầu giường (bedhead panel) hoặc trên giá treo trần theo thiết kế.						
	Lưu lượng 150 lít/phút đối với oxy, nén và 100 lít/phút đối với hút						
	Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI						
	Đầu ngõ ra làm bằng đồng thau mạ crom, tích hợp lưới lọc kích thước 60µm đối với oxy, nén 4 bar và 350µm đối với hút.						
	Hộp kỹ thuật đầu giường được chế tạo bằng nhôm hợp kim chắc chắn, được sơn tĩnh điện, bề mặt phẳng để lau chùi vệ sinh.						
	Hộp có 02 ngăn riêng biệt: ngăn dưới để lắp các ngõ ra khí, ngăn trên để lắp các ổ điện hoặc điện nhẹ, báo gọi y tá...						
	Thành phần gồm có:						
1	Cụm ngõ ra cho 3 loại khí (2xO, MA4, VAC)	bộ	10,00				
	- Hộp khí ra cho 3 loại khí (2xO, MA4, VAC)						

	- Dạng lắp đặt : Hộp kỹ thuật đầu giường dài 1.2 m, có 03 ổ điện đôi						
2	Cụm ngõ ra cho 3 loại khí (O, MA4, VAC)	bộ	64,00				
	- Hộp khí ra cho 3 loại khí (O, MA4, VAC)						
	- Dạng lắp đặt : Hộp kỹ thuật đầu giường dài 1.2 m, có 03 ổ điện đôi						
3	Cụm ngõ ra cho 2 loại khí (O, VAC)	bộ	9,00				
	- Hộp khí ra cho 2 loại khí (O, VAC)						
	- Dạng lắp đặt : Hộp kỹ thuật đầu giường dài 1.2 m, có 03 ổ điện đôi						
4	Cụm ngõ ra cho 3 loại khí (O, MA4, VAC)	bộ	12,00				
	- Hộp khí ra cho 3 loại khí (O, MA4, VAC)						
	- Dạng lắp đặt : Gắn tường, không có ổ điện.						
5	Cụm ngõ ra cho 2 loại khí (O, VAC)	bộ	141,00				
	- Hộp khí ra cho 2 loại khí (O, VAC)						
	- Dạng lắp đặt : Gắn tường, không có ổ điện.						
6	Cụm ngõ ra cho 1 loại khí (SA7)	bộ	4,00				
	- Hộp khí ra cho 1 loại khí (SA7)						
	- Dạng lắp đặt : Gắn tường, không có ổ điện.						
7	GIÁ TREO KỸ THUẬT PHÒNG MỒ	Bộ	9,00				KLS Martin - Đức
	Cánh tay treo trần loại 02 cánh tay ngang mở rộng và 01 hộp kỹ thuật						
	Độ dài cánh tay mở rộng 1000+800 mm						
	Hệ thống phanh bằng thắng điện từ: Giúp định vị khi di chuyển, an toàn và linh động trong tình huống khẩn cấp, ngay cả trong tình huống mất điện, có cấu trúc để định vị bằng tay						
	Tải trọng: 300 kg						
	Thiết kế dạng mô-đun thuận tiện cho việc thay thế, nâng cấp các thành phần trên khối đầu cấp (các ổ khí y tế, ổ điện, ổ mạng...)						
	Hộp kỹ thuật giá treo gồm có:						
	+ 06 ổ điện chuẩn cắm đẹp/tròn và có cực tiếp địa						

	+ Ngõ ra khí y tế : 6 loại khí (2O, 2A4, A7, 2V, CO2, AGS)					
	+ 01 khay cố định có nút điều khiển thắng điện từ					
	+ 02 khay đựng dụng cụ có ray					
X	THIẾT BỊ NGOẠI VI					
	Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485, CE					
1	Bộ tạo ẩm và điều chỉnh lưu lượng Oxy cho trẻ nhỏ	Bộ	5,00			Technologie Medicale - Pháp
	Tiêu chuẩn thiết bị y tế class IIa, ISO 15002: 2008					
	Cung cấp oxy với áp lực ổn định, thang chia độ dễ nhìn, vỏ chụp thang đo làm bằng polycarbonate					
	Dải điều chỉnh lưu lượng: từ 0,25 tới 5 lít/phút					
	Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI					
	Núm vặn chịu được áp lực làm việc trong hơn 10.000 chu kỳ đóng mở (tương đương 5 lần mở/đóng mỗi ngày trong 5 năm).					
	Có bình tạo ẩm 250 ml dễ tháo lắp và vệ sinh, Có bộ lọc khí đầu vào để bảo vệ cho bệnh nhân và cho cả lưu lượng kế					
	Có đầu cảm tương thích đầu ra lấy khí oxy					
2	Bộ tạo ẩm và điều chỉnh lưu lượng Oxy cho trẻ lớn và người lớn	Bộ	150,00			Technologie Medicale - Pháp
	Tiêu chuẩn thiết bị y tế class IIa, ISO 15002: 2008					
	Cung cấp oxy với áp lực ổn định, thang chia độ dễ nhìn, vỏ chụp thang đo làm bằng polycarbonate					
	Dải điều chỉnh lưu lượng: từ 0,5 tới 15 lít/phút					
	Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI					
	Núm vặn chịu được áp lực làm việc trong hơn 10.000 chu kỳ đóng mở (tương đương 5 lần mở/đóng mỗi ngày trong 5 năm).					
	Có bình tạo ẩm 250 ml dễ tháo lắp và vệ sinh, Có bộ lọc khí đầu vào để bảo vệ cho bệnh nhân và cho cả lưu lượng kế					
	Có đầu cảm tương thích đầu ra lấy khí oxy					

3	Bộ điều chỉnh lưu lượng hút gắn tường cho trẻ nhỏ	Bộ	5,00				Technologie Medicale - Pháp
	Tiêu chuẩn thiết bị y tế class IIa, ISO 10079						
	Dải điều chỉnh áp lực hút: 0 ~ - 250 mbar (25 kPa)						
	Dung tích bình chứa dịch: 2000 ml						
	Có đầu cắm tương thích đầu ra lấy khí hút						
	Bình chứa dịch bằng Polysulfone, tháo lắp và làm sạch dễ dàng, hấp tiệt trùng ở 134oC						
	Có bình chống tràn dung tích 100 ml tích hợp lọc vi sinh giúp chống chảy ngược dịch và các chất thải hút từ bình chứa vào đường ống, làm bằng Polycarbonate, hấp tiệt trùng đến 134oC.						
	Phụ kiện: dây hút dịch bằng silicon dài 3m						
4	Bộ điều chỉnh lưu lượng hút gắn tường cho trẻ lớn và người lớn	Bộ	150,00				Technologie Medicale - Pháp
	Tiêu chuẩn thiết bị y tế class IIa, ISO 10079						
	Dải điều chỉnh áp lực hút: 0 ~ - 600 mbar (60 kPa)						
	Dung tích bình chứa dịch: 2000 ml						
	Có đầu cắm tương thích đầu ra lấy khí hút						
	Bình chứa dịch bằng Polysulfone, tháo lắp và làm sạch dễ dàng, hấp tiệt trùng ở 134oC						
	Có bình chống tràn dung tích 100 ml tích hợp lọc vi sinh giúp chống chảy ngược dịch và các chất thải hút từ bình chứa vào đường ống, làm bằng Polycarbonate, hấp tiệt trùng đến 134oC.						
	Phụ kiện: dây hút dịch bằng silicon dài 3m						
5	Bộ hút dịch di động cho phòng mổ	Bộ	9,00				Technologie Medicale - Pháp
	Tiêu chuẩn thiết bị y tế class IIa, ISO 10079						
	Loại di động, có bánh xe để di chuyển trong phòng mổ						
	Dải điều chỉnh áp lực hút: 0 ~ - 1000 mbar (100 kPa)						
	Có bình chứa dịch Polysulfone, tháo lắp và làm sạch dễ dàng, hấp tiệt trùng ở 134oC, có dung tích: 4000 ml						

	Có bình chống tràn dung tích 100 ml tích hợp lọc vi sinh giúp chống chảy ngược dịch và các chất thải hút từ bình chứa vào đường ống, làm bằng Polycarbonate, hấp tiệt trùng đến 134oC.						
	Có nút điều chỉnh lưu lượng hút và đồng hồ hiển thị áp lực hút						
	Có đầu cắm tương thích đầu ra lấy khí hút.						
	Phụ kiện: dây hút dịch bằng silicon dài 3m và dây nối chịu áp kèm adapter tương thích với nguồn khí hút dài 1,5 m						
6	Bộ hút dịch dẫn lưu màng phổi, có ống đổi chống tràn	Bộ	9,00				Technologie Medicale - Pháp
	Bộ hút dẫn lưu màng phổi dùng để đo và điều chỉnh mức hút thấp (giữ áp suất không khí và 90 mbar).						
	Sử dụng trong việc hút dẫn lưu khí quản hoặc lồng ngực cũng như trong việc chăm sóc trẻ sơ sinh.						
	Khoảng điều chỉnh của manometer: 0 đến 55 cmH2O						
	Có 01 bình chứa dịch bằng Polysulfone, dung tích: 2000 ml tháo lắp và làm sạch dễ dàng, hấp tiệt trùng ở 134oC						
	Phụ kiện: dây hút dịch bằng silicon dài 3m kèm adapter tương thích với nguồn khí hút dài 3 m						
7	Đầu cắm nhanh						
7.1	Đầu cắm nhanh cho khí Oxy	Cái	50,00				Technologie Medicale/ Air Liquide Medical Systems/ Mil's - Pháp
7.2	Đầu cắm nhanh cho khí A4	Cái	50,00				
7.3	Đầu cắm nhanh cho khí A7	Cái	13,00				
7.4	Đầu cắm nhanh cho khí CO2	Cái	9,00				
7.5	Đầu cắm nhanh cho khí AGS	Cái	9,00				
XI	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ Y TẾ Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 9001, BS EN 13348 Là loại ống đồng chuyên dùng trong khí y tế Ống đồng được sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn EN 13348/ EN 1057 Ống đồng được sản xuất với các thông số như : đường kính, độ dày, áp suất làm việc, độ cứng,...theo tiêu chuẩn EN 1057 (tiêu chuẩn căn bản), và EN 13348 (tiêu chuẩn ống đồng dùng cho y tế). Độ sạch bên trong ống được kiểm tra bằng phương pháp đốt cháy theo tiêu chuẩn EN 723, hoặc bằng phương pháp phân tích hóa học theo ASTM B280 để đảm bảo độ nhiễm bẩn không vượt quá 0,2 mg/dm ² . Trên thân ống được khắc/in các thông tin sau: chủng loại ống, xuất xứ, tiêu chuẩn, đường kính x độ dày,... Ống trước khi xuất xưởng được bịt nút hai đầu, cả bó ống được bao bọc bằng plastic và được dán nhãn nhận dạng.						Mueller Europe - Anh (Wednesdaybury Streamline Black label)
1	CCLD ống đồng D12x0,6mm	100m	17,34				

2	CCLD ống đồng D15x0,7mm	100m	37,59				
3	CCLD ống đồng D22x0,9mm	100m	13,97				
4	CCLD ống đồng D28x0,9mm	100m	8,10				
5	CCLD ống đồng D35x1,2mm	100m	2,20				
6	CCLD ống đồng D42x1,2mm	100m	0,12				
7	CCLD ống đồng D54x1,2mm	100m	0,36				
8	CCLD ống đồng D76x1,5mm	100m	0,47				
XII	CO, TÊ, NỐI, VÒNG XIẾT ỐNG ĐỒNG Là loại co, tê, .. chuyên dùng có kích thước phù hợp với từng đường kính ống, phù hợp với tiêu chuẩn EN 1254.						Conex - Anh
9	CCLD măng xông đồng D12mm	cái	504,00				
10	CCLD măng xông đồng D15mm	cái	319,00				
11	CCLD măng xông đồng D22mm	cái	513,00				
12	CCLD măng xông đồng D28mm	cái	185,00				
13	CCLD măng xông đồng D35mm	cái	13,00				
14	CCLD măng xông đồng D42mm	cái	40,00				
15	CCLD măng xông đồng D54mm	cái	11,00				
16	CCLD măng xông đồng D76mm	cái	4,00				
17	CCLD cắt đồng D12mm	cái	2.332,00				
18	CCLD cắt đồng D15mm	cái	950,00				
19	CCLD cắt đồng D22mm	cái	398,00				
20	CCLD cắt đồng D28mm	cái	194,00				
21	CCLD cắt đồng D35mm	cái	13,00				
22	CCLD cắt đồng D42mm	cái	35,00				
23	CCLD cắt đồng D54mm	cái	20,00				
24	CCLD cắt đồng D76mm	cái	5,00				
25	CCLD tê đồng D12	cái	249,00				
26	CCLD tê đồng D15	cái	221,00				
27	CCLD tê đồng D22	cái	241,00				
28	CCLD tê đồng D28	cái	172,00				
29	CCLD tê đồng D35	cái	2,00				
30	CCLD tê đồng D42	cái	20,00				
31	CCLD tê đồng D54	cái	9,00				
32	CCLD tê đồng D55	cái	2,00				
33	CCLD côn thu D15-12mm	cái	425,00				
34	CCLD côn thu D22-12mm	cái	295,00				
35	CCLD côn thu D22-15mm	cái	75,00				
36	CCLD côn thu D28-15mm	cái	152,00				
37	CCLD côn thu D28-22mm	cái	70,00				
38	CCLD côn thu D35-15mm	cái	10,00				
39	CCLD côn thu D35-22mm	cái	10,00				
40	CCLD côn thu D35-28mm	cái	10,00				
41	CCLD côn thu D42-22mm	cái	13,00				
42	CCLD côn thu D42-28mm	cái	15,00				
43	CCLD côn thu D42-35mm	cái	9,00				

44	CCLD côn thu D54-35mm	cái	7,00				
45	CCLD côn thu D54-42mm	cái	9,00				
46	CCLD côn thu D76-42mm	cái	2,00				
47	CCLD côn thu D76-54mm	cái	1,00				
48	CCLD van cách ly D22	cái	0,00				
49	CCLD van cách ly D28	cái	0,00				
50	CCLD van cách ly D42	cái	0,00				
51	CCLD van cách ly D54	cái	0,00				
XIII	HỆ THỐNG ĐIỆN						
52	CCLD aptomat tổng 3 pha cho nhà khí trung tâm 160A	cái	1,00				Schneider
53	CCLD aptomat 3 pha 100A	cái	1,00				Schneider
54	CCLD aptomat 3 pha 63A	cái	2,00				Schneider
55	CCLD aptomat 3 pha 40A	cái	1,00				Schneider
56	CCLD aptomat 1 pha 16A	cái	5,00				Schneider
57	CCLD cáp cấp nguồn cho máy nén (3x25+1x16mm ²)	m	50,00				Cadivi - Việt Nam
58	CCLD cáp cấp nguồn cho máy nén (3x16+1x10mm ²)	m	30,00				Cadivi - Việt Nam
59	CCLD cáp cấp nguồn cho máy nén (3x4+1x2.5mm ²)	m	30,00				Cadivi - Việt Nam
60	CCLD dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm ²	m	100,00				Cadivi - Việt Nam
61	CCLD dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm ²	m	640,00				Cadivi - Việt Nam
62	CCLD dây dẫn 2 ruột 2x4,0mm ²	m	100,00				Cadivi - Việt Nam
XIV	CÔNG TÁC KHÁC						
63	Cung cấp và lắp đặt giá đỡ ống	cái	1.042,00				
64	CCLD hộp nhựa bảo vệ ống 40x100	m	500,00				
65	Khí ni tơ làm sạch ống và thử áp lực	chai	30,00				
66	CCLD tấm nhôm ốp hộp van	m ²	50,00				
XV	NHÂN CÔNG LẮP ĐẶT						
67	Lắp đặt ổ khí	bộ	653,00				
68	Lắp đặt hộp van	hộp	19,00				
69	Lắp đặt tay khí	bộ	9,00				
70	Lắp đặt bồn oxy hóa lỏng	bộ	1,00				
71	Lắp đặt hệ thống khí nén	ht	1,00				
72	Lắp đặt hệ thống khí hút	ht	1,00				
73	Lắp đặt đàn gom	bộ	2,00				
	TỔNG GIÁ TRỊ (chưa bao gồm thuế VAT)						
	THUẾ (VAT)						
	TỔNG GIÁ TRỊ (đã bao gồm thuế VAT)						

Ghi chú:

- Nhà thầu thể hiện rõ đơn giá vật tư, nhân công theo mẫu đã trình bày. Hồ sơ chào giá chỉ đủ điều kiện dự thầu khi thể hiện đầy đủ đơn giá vật tư và nhân công.
- Nhà thầu cung cấp và lắp đặt hoàn chỉnh các đầu mục công việc của hệ thống, bao gồm cả các vật tư phụ để hoàn thiện hệ thống và đấu nối với các hệ khác theo bản vẽ và đặc tính kỹ thuật. Vật liệu phụ phải đồng bộ với hệ thống của vật liệu chính, các thông số kỹ thuật phải đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.
- Các vật tư, thiết bị dự thầu Nhà thầu phải có catalogue tính năng kỹ thuật kèm theo (bảng chính hoặc sao y cơ quan chức năng gần nhất, hoặc cam kết nhà máy), để đối chiếu với tính năng kỹ thuật thiết kế quy định, Nhà thầu chào giá ghi rõ tính năng kỹ thuật, nơi sản xuất, năm sản xuất 2019 trở về sau.
- Nhà thầu chào giá phải tính toán lại khối lượng dựa trên bản vẽ thiết kế được cung cấp, nếu trong hồ sơ thiết kế có vấn đề về kỹ thuật ảnh hưởng đến quá trình vận hành sau này của Bệnh viện. Hồ sơ đề xuất lập thành bảng độc lập kèm theo hồ sơ chào giá (nếu có).

3. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

3.1 Nhà thầu đáp ứng được các tiêu chí về năng lực kinh nghiệm như sau:

STT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Mức độ yêu cầu tối thiểu
1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ chào giá	
1.1	Nhà thầu có tên trong danh sách nhận Hồ sơ yêu cầu chào giá	Đạt
1.2	Nhà thầu có bản gốc của hồ sơ chào giá	Đạt
1.3	Nhà thầu là một tổ chức hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây: a. Nhà thầu phải có giấy phép đăng ký kinh doanh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận được xuất trình bằng bản sao có công chứng của Nhà nước. b. Nhà thầu phải hạch toán kinh tế độc lập c. Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả, hoặc đang trong quá trình giải thể.	Đạt
1.4	Nhà thầu tham gia chào giá phải có đăng ký kinh doanh phù hợp với việc thực hiện gói thầu.	Đạt
1.5	Tính hợp lệ của đơn chào giá: Đơn chào giá phải được điền đầy đủ và có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà nước theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.	Đạt
2	Điều kiện về năng lực Nhà thầu	
2.1	Số năm kinh nghiệm tham gia hoạt động lĩnh vực hoạt động xây dựng	≥ 5 năm

2.2	Số hợp đồng tương tự (thi công dự án Bệnh viện, công trình cấp II).	≥ 2 hợp đồng
2.3	Kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm (2018, 2019).	Không bị lỗ
3	Nhân sự chủ chốt: Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:	
3.1	Chỉ huy trưởng công trình: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành. - Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm (tính theo ngày, tháng, năm trên bằng tốt nghiệp đại học), và có ít nhất 08 năm kinh nghiệm thi công công trình Dân dụng (theo số năm ghi trong bảng kê kinh nghiệm chuyên môn). - Có chứng nhận bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình. - Đã hoàn thành lớp huấn luyện an toàn lao động - Đã từng là chỉ huy trưởng ít nhất 01 công trình Dân dụng cấp II. - Giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (có tên và chức danh chỉ huy trưởng trong Biên bản). - Có thời gian công tác tại nhà thầu ≥ 02 năm tính đến ngày đóng thầu. 	≥ 1 người
3.2	Cán bộ Kỹ thuật thi công: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành. - Có ít nhất 07 năm kinh nghiệm (tính theo ngày, tháng, năm trên bằng tốt nghiệp đại học), và ít nhất 05 năm kinh nghiệm thi công công trình Dân dụng (<i>theo số năm ghi trong bảng kê kinh nghiệm chuyên môn</i>). - Đã từng thi công ít nhất 02 công trình Dân dụng. - Có thời gian công tác tại nhà thầu ≥ 03 năm tính đến ngày đóng thầu. 	≥ 2 người
3.3	Cán bộ Kỹ thuật tính khối lượng: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành. - Có ít nhất 07 năm kinh nghiệm (<i>tính theo ngày, tháng, năm trên bằng tốt nghiệp đại học</i>) và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm thi công công trình Dân dụng (<i>theo số năm ghi trong bảng kê kinh nghiệm chuyên môn</i>). - Đã từng thi công ít nhất 02 công trình Dân dụng cấp III. - Có thời gian công tác tại nhà thầu ≥ 03 năm tính đến ngày đóng thầu. 	≥ 1 người
3.4	Cán bộ Giám sát an toàn lao động: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng công trình, Kỹ thuật công trình, Phòng cháy chữa cháy hoặc kỹ sư bảo hộ lao động. - Có ít nhất 07 năm kinh nghiệm (<i>tính theo ngày, tháng, năm trên bằng tốt nghiệp đại học</i>) và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm phụ trách ATLĐ (<i>theo số năm ghi trong bảng kê kinh nghiệm chuyên môn</i>). 	≥ 1 người

	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ (hoặc Chứng nhận) đã hoàn thành lớp an toàn lao động do đơn vị có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. - Đã từng tham gia phụ trách ALTĐ ít nhất 01 công trình Dân dụng cấp II. 	
3.5	<p>Cán bộ Giám sát khối lượng và phụ trách thanh, quyết toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành - Có ít nhất 07 năm kinh nghiệm (<i>tính theo ngày, tháng, năm trên bằng tốt nghiệp đại học</i>) và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm tham gia Giám sát khối lượng và phụ trách thanh, quyết toán (<i>theo số năm ghi trong bảng kê kinh nghiệm chuyên môn</i>). - Đã tham gia giám sát khối lượng và phụ trách thanh, quyết toán ít nhất 01 công trình Dân dụng cấp II. 	≥ 1 người
3.6	<p>Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận tất cả phải được sao y chứng thực và còn hiệu lực trong vòng 06 tháng. - Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn Bản gốc của các tài liệu nêu trên để Bên mời thầu tiến hành đối chiếu xác minh khi cần thiết trong quá trình xét thầu). 	

3.2 Nhà thầu nêu rõ các tiêu chí về năng lực, các biện pháp tổ chức thi công:

STT	NỘI DUNG
1	Giải pháp kỹ thuật
1.1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính:
a	Công tác chuẩn bị khởi công;
b	Công tác thi công:
	- Giải pháp thi công phần lắp đặt đường ống;
	- Giải pháp thi công phần lắp đặt thiết bị.
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường:
a	Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công;
b	Bố trí rào chắn, biển báo, cổng ra vào...;
c	Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.
1.3	Hệ thống tổ chức:
a	Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: Sơ đồ tổ chức các bộ phận quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng, hành chính kế toán, an toàn, an ninh công trình, các đội, tổ thi công;
b	Thuyết minh chi tiết sơ đồ tổ chức.
1.4	Đường trung chuyển vật tư:
	- Có văn bản cam kết tự làm đường trung chuyển vật tư vào tới mặt bằng xây dựng;
1.5	Hoàn trả hiện trạng do việc tháo dỡ:
	- Có văn bản cam kết hoàn trả hiện trạng do việc tháo dỡ tường rào, hư hỏng đường do việc vận chuyển vật tư.

2	Biện pháp tổ chức thi công
2.1	Biện pháp thi công phân lắp đặt đường ống (phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được duyệt);
2.2	Biện pháp thi công phân lắp đặt thiết bị (phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được duyệt).
3	Tiến độ thi công
3.1	Tổng tiến độ thi công:
a	Thời gian hoàn thành công trình;
b	Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công.
3.2	Biểu đồ nhân lực.
3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện:
	- Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục công trình;
	- Nêu rõ biện pháp và phương án duy trì thi công khi mất điện.
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng
4.1	Sơ đồ quản lý chất lượng.
4.2	Quản lý chất lượng vật tư:
a	Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu thiết bị sẽ đưa vào gói thầu;
b	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị;
c	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu;
4.3	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão;
4.4	Sửa chữa hư hỏng.
5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động
5.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường:
a	Tiếng ồn;
b	Bụi và khói;
c	Rung;
d	Kiểm soát nước thải;
e	Kiểm soát rác thải, vệ sinh.
5.2	Phòng cháy, chữa cháy:
a	Quy định, quy phạm tiêu chuẩn;
b	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ;
c	Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.
5.3	An toàn lao động:
a	Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;
b	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công;
c	An toàn giao thông ra vào công trường;
d	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị;
e	Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.
6	Bảo hành, bảo trì
6.1	Bảo hành:
a	Biện pháp bảo hành;
b	Thời gian và giá trị bảo hành: 24 tháng.
6.2	Bảo trì công trình:

a	Biện pháp bảo trì;
b	Cam kết bảo trì theo quy định.

3.3 Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá do Nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

- a. Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký và đóng dấu đại diện pháp nhân). Trường hợp ủy quyền, Nhà thầu gửi kèm các tài liệu, giấy tờ theo quy định để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền. Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 45 ngày.
- b. Bảng chào giá chi tiết (đề xuất tài chính): theo bảng khối lượng mời chào giá.
- c. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu theo mục 1.
- d. Đề xuất kỹ thuật.
- e. Danh sách nhân lực chủ chốt, kèm chứng chỉ chuyên ngành.
- f. Số bộ hồ sơ: 01 bản gốc, 01 bản sao được đóng kín và có dấu niêm phong trong 02 túi hồ sơ.

3.4 Biểu mẫu kèm theo hồ sơ chào giá cạnh tranh:

ĐƠN CHÀO GIÁ ...

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian ____ ngày [*Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu*].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm kết hạn nộp hồ sơ chào giá*].

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐƠN VỊ MỜI THẦU

CÔNG TY TNHH MTV BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM CẦN THƠ

GIÁM ĐỐC

BAN QLXD CÔNG TRÌNH

TRẦN ĐẠI NGÃI

MAI TRƯỜNG CHINH